

Bộ, tỉnh: Tỉnh Điện Biên

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDT Bán trú Tiểu học Mường Lói

Mã đơn vị: 1095979

Loại hình đơn vị: Khó khăn sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUẾ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						287.952						
4	Tài sản cố định khác						287.952						
	Bảng điện tử thông minh 2025 -2 (màn cảm ứng + bảng trượt)	Chiếc	1		Trung Quốc	2024	71.988	Chi định thầu					
	Bảng điện tử thông minh 2025 -3 (màn cảm ứng + bảng trượt)	Chiếc	1		Trung Quốc	2024	71.988	Chi định thầu					
	Bảng điện tử thông minh 2025 -4 (màn cảm ứng + bảng trượt)	Chiếc	1		Trung Quốc	2024	71.988	Chi định thầu					
	Bảng điện tử thông minh 2025 (màn cảm ứng + bảng trượt)	Chiếc	1		Trung Quốc	2024	71.988	Chi định thầu					
	Tổng cộng						287.952						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Tươi



Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thị Hương đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Lỗ Văn Sơn

Bộ, tỉnh: Tỉnh Điện Biên

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDT Bán trú Tiểu học Mường Lói

Mã đơn vị: 1095979

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CKTSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Trụ sở làm việc	Hoạt động sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)				Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m ²))				Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, kết hợp				
1	Đất Na Cọ tại Đất na Cọ xã Mường Lói	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất Na Cọ tại Đất na Cọ xã Mường Lói	3.500	654.500	3.500																		
2	Đất Co Đũa tại Đất Co Đũa Xã Mường Lói	4.000	396.000	4.000																		
3	Đất Huổi chon tại Mường Lói	1.200	118.800	1.200																		
4	Đất noong E xã Mường Lói	1.000	99.000	1.000																		
5	Đất Tin tức tại Đất tin Tức Xã Mường Lói	8.400	831.600	8.400																		
6	Đất Trung tâm tại Đất trung tâm	4.396	598.064	4.396																		
7	Nhà bảo vệ tại Đất trung tâm									2015	12	37.278	9.927	12								
8	Nhà công vụ tại Đất trung tâm									2010	4.000	1.502.077		4.000								
9	Nhà công vụ 4 gian tại Đất trung tâm									2015	100	99.529	26.505	100								
10	Nhà lớp học ngoài trời tại Đất trung tâm									2015	24	61.206	16.299	24								
11	Lớp học số 2									2004	50	188.076		50								
12	Lớp học TT									2000	30	200.000		30								

Bộ, tỉnh: Tỉnh Điện Biên
 Cơ quan quản lý cấp trên:
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDT Bán trú Tiểu học Mường Lói
 Mã đơn vị: 1095979
 Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
 Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên ngân sách	Nguyên giá	Nguồn khác	Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Tài sản cố định khác		100	4.515.767	4.515.767		1.258.557								
1	Bàn bếp 2 học	Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Lói	1	19.830	19.830		4.958							x	
2	Máy tính để bàn (loại 2) -2022	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
3	Máy tính để bàn (loại 2) -2022	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
4	Máy tính để bàn - 15	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
5	Máy tính để bàn - 14	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
6	Máy tính để bàn - 13	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
7	Máy tính để bàn - 12	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
8	Máy tính để bàn - 11	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
9	Máy tính để bàn - 10	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
10	Máy tính để bàn - 09	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
11	Máy tính để bàn - 08	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
12	Máy tính để bàn - 07	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
13	Máy tính để bàn - 06	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
14	Máy tính để bàn - 05	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
15	Máy tính để bàn - 04	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
16	Máy tính để bàn - 03	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
17	Máy tính để bàn - 02	Phòng Tin học	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
18	Máy tính để bàn - 01	Phòng tiếng anh	1	14.650	14.650		2.930		x					x	
19	Máy tính để bàn	Phòng Tin học	1	18.990	18.990				x						
20	Máy tính để bàn	Phòng Tin học	1	18.990	18.990				x						
21	Máy tính để bàn	Phòng Tin học	1	18.990	18.990				x						
22	Máy say thực phẩm năm 2017	Bếp ăn HSBT	1	13.893	13.893										

